

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211 và Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 33/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, về việc: Tranh chấp thừa kế.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1954; địa chỉ: CX, tổ Y, phường P, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V và bà Lê Thị Kim A;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phan Công Tiến, Luật sư Công ty Luật TNHH Equity Law, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978 (con đẻ của ông Th); địa chỉ: Khu đất dịch vụ Yên Lộ, tổ 13, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn G, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (con đẻ của ông Th); Ông V ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng N (Theo giấy ủy quyền ngày 19/7/2021).

2- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Số A, ngõ B, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội (con đẻ của ông Th);

3- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984 (con đẻ của ông H, cháu nội của ông Th); địa chỉ: ngõ AA đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội;

4- Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1987 (con đẻ của ông H, cháu nội của ông Th); địa chỉ: Thôn G, xã HN, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

5- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993 (con đẻ của ông H, cháu nội của ông Th); địa chỉ: ngõ 1194 đường Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội;

2. Nội dung các đương sự thỏa thuận thống nhất được như sau:

Ông Nguyễn Xuân Th và bà Trần Thị N (P) có 4 người con chung. Gồm: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (Ông H đã mất, ông H có 3 người con là anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Mạnh T và anh Nguyễn Thanh T; ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964; ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981;

Ông Th và bà Nhung (P) ly hôn năm 1994.

Năm 1999, ông Nguyễn Xuân Th kết hôn với bà Trần Thị H. Ông Th và bà H không có con chung.

Năm 2015, ông Nguyễn Xuân Th chết không để lại di chúc.

Sinh thời, ông Th và bà H có tạo dựng được một khối tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất tại thửa đất số 301, diện tích: 33,5m², địa chỉ: Khu tập thể Học viện Quân Y, phường Phúc La, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 688778 được UBND thị xã Hà Đông (nay là UBND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) cấp ngày 01/8/2005 (“Thửa Đất”) cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th và bà Trần Thị H. Đây là tài sản thuộc sở hữu chung hợp pháp của hai vợ chồng ông Th, bà H. Vợ chồng ông Th, bà H chỉ có duy nhất tài sản này. Hiện bà H là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng ăn ở ổn định tại nhà đất này, không tranh chấp với ai.

Xác định nhà đất nêu trên là tài sản chung vợ chồng bà H và ông Th nên mỗi người có ½ tài sản. Phần của ông Th là 1/2 giá trị nhà và quyền sử dụng đất theo GCN QSD đất số AC 688778 do UBND thị xã Hà Đông (nay là quận Hà Đông) cấp cho ông Nguyễn Xuân Th và bà Trần Thị H ngày 01/8/2005, tại thửa đất số 301, địa chỉ: Khu tập thể Học viện Quân y phường Phúc La, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội). Ông Th đã chết nên xác định ½ tài sản chung vợ chồng là di sản của ông Th để lại, chia cho các đồng thừa kế là bà H (vợ của ông Th) và các con đẻ của ông Th gồm ông V, ông N, ông H1 và ông H (do ông H đã chết, nên chia cho các con đẻ của ông H được thừa kế thế vị). Các đương sự thống nhất phần di sản của ông Th được chia thành 6 kỷ phần bằng nhau. Bà H và các con đẻ của ông Th mỗi người được hưởng 1/6 di sản, còn 1/6 thống nhất giao bà H được hưởng vì có công sức xây dựng, tôn tạo, quản lý nhà đất từ

khi xây dựng (năm 2004) đến nay. Bà H nhận thừa kế bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác bằng giá trị (tiền mặt).

Cụ thể: Giá trị tài sản nhà đất ông Th và bà H theo Biên bản định giá ngày 09/6/2021, xác định:

- Thừa đất số 301 Khu tập thể Học viện Quân y, C19, tổ 7, phường Phúc La có diện tích 33,5m². Hội đồng định giá xác định giá hiện tại 100.000.000đ/m².

(33,5m² x 100.000.000 đồng = **3.350.000.000 đồng** (Ba tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Diện tích các tầng 1, 2, 3, 4: (33,5 m² x 4) = 134m²

- Diện tích tầng lửng = 10,5m²

- Tổng diện tích xây dựng = 134m² + 10,5m² = 144,5m²

- Giá trị nhà = 144,5m² x 5.971.000 đồng/m² x 40% (giá trị còn lại) = **345.123.800 đồng**. (Ba trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm đồng).

- Tổng giá trị nhà, đất của ông Th và bà H là: 3.350.000.000 đồng + 345.123.800 đồng = **3.695.123.800 đồng**. (Ba tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm đồng).

- Giá trị di sản của ông Th có là: 3.350.000.000 đồng : 2 = **1.847.561.900 đồng** (Một tỷ, tám trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm đồng).

- Mỗi kỹ phần thừa kế được chia là: 1.847.561.900 đồng : 6 = **307.926.983 đồng** (Ba trăm linh bảy triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng).

- Các ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng **307.926.983 đồng** (Ba trăm linh bảy triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng); Được nhận bằng tiền. Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho các ông Nguyễn Văn V, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Văn H mỗi người **307.926.983 đồng**.

- Các anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Mạnh T và anh Nguyễn Thanh T (là các con đẻ hưởng thừa kế thế vị của ông H) mỗi người được hưởng 307.926.983 đồng : 3 = **102.642.328 đồng**. (Một trăm linh hai triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng). Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho các anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Mạnh T và anh Nguyễn Thanh T bằng tiền, mỗi người **102.642.328 đồng**.

- Bà Trần Thị H được nhận thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà trên đất và có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại (mới) Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị H đối với thửa đất số 301, địa chỉ: Khu tập thể Học viện Quân y phường Phúc La, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây diện tích 33,5m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ số AC 688778 được UBND thị xã Hà Đông cấp ngày 01/8/2005 đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Xuân Th và bà Trần Thị H).

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1, Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Trần Thị H được miễn án phí;

- Ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Văn V, ông Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 7.698.174 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Các anh Nguyễn Minh T, Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Thanh T mỗi người phải chịu 2.566.058 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THA DS quận Hà Đông;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ, VPTA.

Nguyễn Thị Thoa